

Bản án số: 523/2024/DS-PT

Ngày: 24-9-2024

V/v tranh chấp hợp đồng

mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2024/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2024/DS – ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3435/2024/QĐ – PT ngày 28 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: số D, ấp M, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Thành T, sinh năm 1976.

2.2. Bà Phan Thị Trúc L1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp C (ấp H), xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975. Địa chỉ: số E khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người kháng cáo: bị đơn ông Lê Thành T, bà Phan Thị Trúc L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Từ ngày 23/10/2016, ông có hợp đồng miệng bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông Lê Thành T và bà Phan Thị Trúc L1 với hình thức bao chuồng, đến khi xuất chuồng thì phía ông T trả tiền thức ăn cho ông. Trong thời gian mua bán, ông có thuê ông Nguyễn Thanh H1 chở thức ăn giao đến nhà ông L. Mỗi lần giao thức ăn đều có ghi sổ, mỗi bên giữ 01 sổ. Việc cộng sổ, thu tiền do ông tính trực tiếp với vợ chồng ông T, mỗi lần trả tiền hai bên có đối chiếu và gạch sổ phần nợ đã trả. Đến năm 2021, vợ chồng ông T còn nợ ông gần 80.000.000 đồng nên ông ngừng bán thức ăn cho ông T và bà L1. Sau đó, vợ chồng ông T có trả dần cho ông mỗi lần vài triệu; đến ngày 09/10/2021, ông T và bà L1 còn nợ ông 35.541.500 đồng. Ông nhiều lần yêu cầu ông T và bà L1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ (trong đó có ba lần ông cùng ông Nguyễn Tấn P là người của Công ty C đến nhà bà L1 và ông T đề đòi tiền) nhưng vợ chồng bà L1 chỉ hứa hẹn mà không trả.

Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông T và bà L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 35.541.500 đồng và tiền lãi chậm trả kể từ ngày 09/10/2021 đến ngày 28/02/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Thành T trình bày:

Ông và bà Phan Thị Trúc L1 là vợ chồng hợp pháp. Khoảng năm 2016, ông bà có hợp đồng miệng mua thức ăn chăn nuôi của ông L để chăn nuôi gà, heo với hình thức gói đầu. Do vợ chồng ông không còn mua thức ăn của ông L từ lâu nên ông không nhớ cụ thể việc mua bán, nhưng ông xác định đã trả hết tiền mua thức ăn cho ông L, hiện không còn nợ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Phan Thị Trúc L1 trình bày:

Cách đây khoảng 7-8 năm, bà và chồng là ông Lê Thành T có mua thức ăn chăn nuôi của ông Nguyễn Tấn L để chăn nuôi heo, gà. Ông L bán thức ăn cho ông bà với hình thức bao chuồng, khi ông bà bán gà, heo mới trả tiền. Ông H1 có chở thức ăn giao cho ông bà, mỗi lần giao thức ăn ông H1 có ghi sổ ngày giao, số lượng bao thức ăn và giao cho bà một cuốn sổ, nhưng khi bà xây nhà đã lạc mất. Khi xuất chuồng ông L sẽ báo số lượng bao thức ăn và số tiền để ông bà trả tiền. Thời gian đầu, ông bà xuất chuồng gà, heo đều trả đủ tiền thức ăn cho ông L. Tuy nhiên, sau đó do giá gà sụt giảm nên ông bà có nợ tiền mua thức ăn của ông L nhưng sự việc đã lâu nên bà không nhớ số tiền nợ là bao nhiêu. Tháng 10/2021, ông L thông báo ông bà còn nợ 35.541.500 đồng và ông bà cũng thống nhất. Khi đó ông bà đang chăn nuôi thì

ông L đột ngột ngừng giao thức ăn, ông bà phải tìm đại lý khác để mua thức ăn. Những lần ông P đi cùng ông L đến yêu cầu trả nợ thì bà chưa có tiền trả, sau đó ông L đi một mình đến đòi thì bà đã trả hết nợ cho ông L nhưng bà không có chứng cứ chứng minh đã trả đủ 35.541.500 đồng cho ông L do khi trả tiền không làm giấy tờ. Bà nhớ là trả nhiều lần nhưng đã lâu nên bà không nhớ thời gian, số lần trả, số tiền mỗi lần trả, lần cuối trả nợ vào thời gian nào. Vợ chồng bà đã trả hết nợ nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2024/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L. Buộc ông Lê Thành T và bà Phan Thị Trúc L1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Tấn L số tiền 43.801.500 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, lãi chậm thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/7/2024, bị đơn ông Lê Thành T và bà Phan Thị Trúc L1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông Lê Thành T và bà Phan Thị Trúc L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn đồng ý việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự thống nhất thỏa thuận ông T và bà L1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông L số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 25.000.000 đồng, ông T và bà L1 chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Tấn L với ông Lê Thành T và bà Phan Thị Trúc L1, cụ thể: ông T và bà L1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L số tiền 25.000.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm ông T và bà L1 có nghĩa vụ nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Thành T, bà Phan Thị Trúc L1; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L và bị đơn ông Lê Thành T, bà Phan Thị Trúc L1 thống nhất từ năm 2016 giữa hai bên có hợp đồng bằng lời nói mua bán thức ăn chăn nuôi, theo thỏa thuận nguyên đơn giao thức ăn chăn nuôi cho bị đơn nuôi gà, heo, bị đơn phải trả tiền sau mỗi đợt bán heo, gà. Trong quá trình mua bán các bên không ký nhận việc giao nhận thức ăn chỉ có sổ theo dõi khi giao hàng, mỗi bên giữ một sổ. Khi trả tiền các bên cùng đối chiếu và gạt sổ phần đã trả tiền.

Ông L cho rằng bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông đã ngừng mua bán với bị đơn, ông L yêu cầu bị đơn phải liên đới trả cho ông số tiền còn nợ là 35.541.500 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 09/10/2021 đến ngày 28/02/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả cho ông số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý với việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau: ông T và bà L1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông L số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 25.000.000 đồng, bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, phù hợp theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nên người kháng cáo là ông L, bà L1 phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 88/2024/DS – ST ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ các điều 288, 357, 430, 440 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn L.

Buộc ông Lê Thành T và bà Phan Thị Trúc L1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Tấn L số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Lê Thành T và bà Phan Thị Trúc L1 có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Tấn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.199.000 đồng (một triệu một trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004792 ngày 13/3/2024 Chi cục Thi hành án huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Lê Thành T và bà Phan Thị Trúc L1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0001640 ngày 22/7/2024, số 0001696 ngày 21/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi Cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Lê Văn Phận